

26. Lễ cúng thỉnh Pháp (禮供聽法)

Phẩm này mang tên Lễ Cúng Thỉnh Pháp vì “*lễ cúng*” là các đại Bồ Tát trong mười phương thế giới đều đến thế giới Cực Lạc lễ bái, cúng dường A Di Đà Phật; “*thỉnh pháp*” là đức A Di Đà Phật nghĩ thương những vị đó nên tuyên dương diệu pháp; mười phương Đại Sĩ hoan hỷ nghe nhận.

Việc A Di Đà Phật thuyết pháp nói trong phẩm này chính là do đức Thích Tôn kể lại, nhưng bậc đạo sư hai cõi chẳng hai, chẳng khác. Lời đức Thích Ca nói nào khác chính miệng A Di Đà Phật dạy! Vì thế, nay chúng ta đọc kinh này nào khác với người được đích thân dự pháp hội nghe pháp. Cuối phẩm này, đức Thích Ca lại khen các Đại Sĩ đến nghe pháp đã tự lợi mình, lợi người, thọ ký họ sẽ thành Phật.

Chánh kinh:

復次阿難，十方世界諸菩薩眾，為欲瞻禮極樂世界無量壽佛，各以香華幢幡寶蓋，往詣佛所。恭敬供養，聽受經法，宣布道化，稱讚佛土功德莊嚴。爾時世尊即說頌曰：

Phục thứ A Nan! Thập phương thế giới chư Bồ Tát chúng, vị dục chiêm lễ Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật, các dĩ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, vãng nghệ Phật sở, cung kính cúng dường, thỉnh thọ kinh pháp, tuyên bố đạo hóa, xưng tán Phật độ công đức trang nghiêm. Nhĩ thời, Thế Tôn tức thuyết tụng viết:

Lại này A Nan! Các hàng Bồ Tát trong mười phương thế giới vì muốn chiêm lễ Vô Lượng Thọ Phật trong thế giới Cực Lạc nên đều dùng hương, hoa, tràng phan, lọng báu, đi qua chỗ Phật cung kính, cúng dường, nghe nhận kinh pháp, diễn nói, lưu truyền đạo hóa, khen ngợi công đức trang nghiêm của cõi Phật. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ tụng rằng:

Giải:

“*Chiêm*” (瞻) là nhìn hướng lên trên hoặc hướng về phía trước; ở đây có nghĩa là chiêm ngưỡng.

Câu “*thính thọ kinh pháp, tuyên bố đạo hóa*” (nghe nhận kinh pháp, tuyên nói, lưu truyền đạo hóa) được sách Hội Sớ giảng như sau: “*Lắng nghe, thọ trì kinh pháp do đức A Di Đà nói, tuyên truyền đạo đức giáo pháp của Ngài để làm lợi ích*”. Nghĩa là: Mười phương Đại Sĩ nghe nhận kinh pháp do đức Đạo Sư cõi Cực Lạc giảng, rồi lại đi đến mười phương lần lượt giảng nói những pháp mà đấng Đạo Sư đã giảng.

Tiếp đó, kinh bảo: “*Xưng tán Phật độ công đức trang nghiêm*” (Khen ngợi công đức trang nghiêm của cõi Phật), đó chính là mười phương Đại Sĩ khen ngợi cõi Cực Lạc công đức trang nghiêm.

Chánh kinh:

東方諸佛剎
數如恆河沙
恆沙菩薩眾
往禮無量壽
南西北四維
上下亦復然
咸以尊重心
奉諸珍妙供

***Đông phương chư Phật sát,
Số như Hằng hà sa,
Hằng sa Bồ Tát chúng
Vãng lễ Vô Lượng Thọ
Nam, Tây, Bắc, tứ duy
Thượng, hạ diệc phục nhiên
Hàm dĩ tôn trọng tâm
Phụng chư trân diệu cúng***

***Các cõi Phật phương Đông,
Số như cát sông Hằng
Hằng sa Bồ Tát chúng***

**Đến lễ Vô Lượng Thọ
Nam, Tây, Bắc, bốn góc
Thượng, hạ cũng như vậy
Đều dùng tâm tôn trọng
Dâng diêu vật cúng Phật**

Giải:

Trước hết nói phương Đông, tiếp theo nói về hàng sa thể giới trong các phương khác. Trong mỗi thế giới ấy, đều có Bồ Tát thánh chúng số đông như cát sông Hằng cùng đến cõi Cực Lạc lễ kính Vô Lượng Thọ Phật, cùng dùng tâm thành kính dâng hiến các thứ phẩm vật trân quý, vi diêu, thù thắng như bản Ngụy dịch chép: “*Các tê thiên diêu hoa, bảo hương, vô giá y*” (Mỗi người cầm hoa trời, hương báu, y vô giá) v.v... Đó là tài cúng dường. Tiếp theo đây là pháp cúng dường.

Chánh kinh:

暢發和雅音
歌嘆最勝尊
究達神通慧
遊入深法門
聞佛聖德名
安隱得大利
種種供養中
勤修無懈倦
觀彼殊勝剎
微妙難思議
功德普莊嚴
諸佛國難比
因發無上心

願速成菩提

*Sương phát hòa nhã âm,
Ca tán Tối Thắng Tôn
Cứu đạt thân thông huệ,
Du nhập thâm pháp môn
Văn Phật thánh đức danh
An ổn đắc đại lợi
Chủng chủng cúng dường trung
Cần tu vô giải quỵện
Quán bỉ thù thắng sát
Vi diệu nan tư nghị
Công đức phổ trang nghiêm
Chư Phật quốc nan tỷ
Nhân phát vô thượng tâm
Nguyện tốc thành Bồ Đề*

**Vang trọn tiếng hòa nhã
Ca tụng đấng Tối Thắng
Thấu suốt thân thông huệ,
Du nhập pháp môn sâu
Nghe Phật thánh đức danh
An ổn đắc đại lợi
Trong các thứ cúng dường
Siêng tu không lười mỏi
Quán cõi thù thắng kia
Vi diệu khó nghĩ bàn
Công đức trang nghiêm khắp
Các cõi Phật khó sánh
Do phát tâm Vô Thượng
Nguyện chóng thành Bồ Đề**

Giải:

Bài kệ này ý nói những lời tán thán ca tụng đức Phật Di Đà cùng cõi nước của Ngài đều từ lòng chân thành mà phát xuất nên bảo là “*sương phát*” (暢發: phát ra thông suốt, trọn khắp). Những tiếng tán thán ấy âm điệu hòa nhã nên bảo là “*hòa nhã âm*” (tiếng hòa nhã). Sách Hội Sớ nói: “*Ngũ âm hòa hợp, thanh điệu chẳng tà nên bảo là hòa nhã.*”

Ca (歌) là ca vịnh, thán (嘆) là xưng thán” (trong lời kê, tạm dịch chữ “ca thán” thành ca tụng).

Chữ “*Tối Thắng Tôn*” chỉ đức A Di Đà Phật. Do Ngài là vua của các đức Phật nên xưng tụng là “*Tối Thắng*”. Những lời tán thán gồm:

1. Tán thán Phật đức: “*Cứu đạt thần thông huệ*” (Thấu suốt thần thông huệ).

“*Cứu*” (究) có nghĩa là rốt ráo, “*đạt*” (達) là thông đạt, hiểu rõ; “*thần thông huệ*” là thần thông và trí huệ.

Kinh Lục Ba La Mật chép:

“*Di Lạc bạch Phật ngôn: - Vân hà danh vi thần thông, trí huệ?*”

Phật ngôn: - Thần thông giả, năng dĩ thần lực kiến cực vi sắc, thị danh thần thông. Dĩ tịnh pháp nhãn, tri sắc tánh không, diệc bất thủ trước, thị danh trí huệ. Phục thứ, văn thế gian cực vi tiểu thanh, thị danh thần thông. Ư chư âm thanh, ngộ vô ngôn thuyết, ly chư thí dụ, thị danh trí huệ. Phục thứ năng tri nhất thiết hữu tình tâm hạnh, thị danh thần thông. Liễu chư hữu tình vọng tâm phi tâm, thị danh trí huệ. Phục thứ, ư quá khứ tế, tất giai ức niệm, thị danh thần thông, Liễu Phật độ không, thị danh trí huệ.

Phục thứ, liễu tri căn tánh sai biệt chi tướng, thị danh thần thông. Liễu thắng nghĩa không, thị danh trí huệ. Năng tri chư pháp, thị danh thần thông. Liễu tục như huyền, thị danh trí huệ”

(Di Lạc bạch Phật rằng:

- Thế nào gọi là thần thông và trí huệ?

Phật dạy:

- Thần thông là dùng thông lực thấy được sắc cực vi, đó là thần thông. Do tịnh pháp nhãn biết được tánh của Sắc là không, cũng chẳng chấp lấy thì gọi là trí huệ. Hơn nữa, nghe được tiếng cực nhỏ của thế gian thì gọi là thần thông. Hiểu được trong các âm thanh chẳng có ngôn thuyết, lià các thí dụ thì gọi là trí huệ.

Lại nữa, biết được tâm hạnh của hết thảy hữu tình thì gọi là thần thông. Biết rõ các vọng tâm của hữu tình chẳng phải là tâm thì gọi là trí huệ. Lại nữa, với đời quá khứ đều nghĩ nhớ được thì gọi là thần thông. Hiểu cõi Phật là Không thì gọi là trí huệ. Lại nữa, biết rõ tướng trạng sai biệt của căn tánh thì gọi là thần thông. Hiểu Thắng Nghĩa Không thì gọi

là trí huệ. Biết các pháp thì gọi là thần thông. Biết rõ thể tục như huyễn thì gọi là trí huệ).

Phật đều hiểu thấu rành rẽ những loại thần thông, trí huệ như trên nên khen ngợi Ngài “*cứu đạt thần thông huệ*” (thấu suốt thần thông huệ).

Ngài Tịnh Ảnh nói: “*Các trí huệ thần thông ấy đều do pháp tạo thành*” nên tiếp đó, kinh nói đến “*du nhập thâm pháp môn*” (du nhập trong pháp môn sâu).

Trong bản chú giải kinh Duy Ma, ngài Tăng Triệu đã giảng chữ “*pháp môn*” như sau: “*Làm khuôn mẫu cho đời là Pháp (法), là nguyên do dẫn dắt thánh chúng thì gọi là Môn (門)*”. Lời đức Phật dạy là khuôn phép cho thế gian nên gọi là “*pháp*”; pháp ấy là nguyên do dẫn dắt thánh chúng nhập đạo nên gọi là “*môn*”.

Hoa Nghiêm Đại Sớ viết: “*[Là cửa ngõ để] nhập vào trong thần thông trí huệ của Như Lai nên gọi là Môn*”. Sách Hội Sớ bảo: “*Xuất nhập vô ngại là Du (遊), thấu suốt đến chỗ uyên áo là Nhập (入)*”. Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: “*Cùng tột tận cội gốc gọi là Nhập*”. Nghĩa là: Thấu hiểu rốt ráo đến tận cội nguồn thì gọi là Nhập.

Ở đây, các Bồ Tát tán thán A Di Đà Phật đã cùng tột tận cội nguồn Thật Tướng của các pháp, xuất nhập vô ngại, nên mới nói: “*Du nhập thâm pháp môn*”. Thấu hiểu tột cùng đến tận cội rễ thì rất là sâu xa nên mới bảo là “*thâm pháp môn*”.

2. Khen ngợi công đức của Phật hiệu: “*Văn Phật thánh đức danh*” (Nghe danh hiệu thánh đức của Phật).

Trong bốn nguyện của Phật A Di Đà, mười nguyện kể từ nguyện mười tám đến nguyện hai mươi bảy và năm nguyện từ nguyện bốn mươi bốn đến nguyện bốn mươi tám đều diễn tả ý tưởng: Do nghe danh hiệu Phật nên sẽ vĩnh viễn lìa các ác khổ, trọn được hưởng sự vui rất ráo; mười phương chúng sanh nghe danh đều được an ổn, được các thứ lợi chân thật. Do đó kinh nói: “*An ổn đắc đại lợi*” (An ổn, được đại lợi). Thập phương Đại Sĩ nghe danh hiệu Phật được hưởng ích lợi, cảm tạ thâm ân, mong muốn đáp đền nên rộng tu cúng dường chẳng hề lười mỗi. Câu “*chủng chủng cúng dường trung*” (trong các thứ cúng dường) hàm ý hai thứ tài cúng dường và pháp cúng dường. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói:

“*Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối. Sở vị: Như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường, đại chúng sanh khổ cúng dường, cần tu thiện căn cúng dường, bất xả Bồ Tát nghiệp cúng dường, bất ly Bồ Đề tâm cúng dường*” (Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là cao nhất, nghĩa là: Tu hành đúng như lời dạy để cúng dường, lợi ích chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thay cho chúng sanh để cúng dường, siêng tu các căn lành để cúng dường, chẳng xả Bồ Tát nghiệp để cúng dường, chẳng rời Bồ Đề tâm để cúng dường). Và: “*Như thị tu hành, thị chân cúng dường*” (Tu hành như thế là cúng dường một cách chân thật).

Bồ Tát do nghe danh hiệu Phật nên đối với những thứ cúng dường như vừa nói trên đều siêng gắng tu trì chẳng hề sanh lòng lười biếng, mệt mỏi. Vì thế kinh nói: “*Cần tu vô giải quyện*” (Siêng tu không lười mỏi). Những điều như trên đều là do danh hiệu Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn.

3. Khen ngợi cõi nước Phật:

Trong Cực Lạc thế giới “*quốc trung vạn vật nghiêm tịnh quang lệ, cùng vi cực diệu*” (vạn vật trong nước nghiêm tịnh, sáng đẹp, hình sắc lạ lùng, đặc biệt, cùng vi cực diệu). Hình sắc, quang tướng, danh số của muôn vật đều chẳng thể kể nói nổi, cũng chẳng thể biện định rành rẽ nổi. Đó là vì cõi ấy thù thắng vi diệu, không thể dùng ngôn ngữ, tư duy để lãnh hội nổi. Do đó, kinh nói: “*Quán bỉ thù thắng sát, vi diệu nan tư nghị*” (Quán cõi thù thắng kia, vi diệu khó nghĩ bàn).

Các thứ trang nghiêm nhập vào trong một pháp cú tức là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là “chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân”. Y báo, chánh báo cõi Cực Lạc đều trang nghiêm bằng công đức của Thật Tướng nên bình đẳng hiện khắp. Vì thế, kinh mới nói: “*Công đức phổ trang nghiêm*” (Công đức trang nghiêm khắp). Cõi nước màu nhiệm như kinh đã khen: “*Siêu du thập phương nhất thiết thế giới*” (Vượt hẳn hết thảy thế giới trong mười phương) nên kinh mới nói: “*Chư Phật quốc nan tỷ*” (Các cõi Phật khó sánh).

4. Khen ngợi người cảm mộ ân đức báo ân:

“*Nhân phát vô thượng tâm, nguyện tức thành Bồ Đề*” (Do phát tâm Vô Thượng, nguyện chóng thành Bồ Đề).

Mười phương Bồ Tát thấy cõi ấy trang nghiêm thanh tịnh vượt xa mười phương, Phật hiệu có công đức phổ độ hết thảy, nên phát đại tâm, nguyện chính mình khi thành Phật cũng sẽ thành tựu cõi nước giống như vậy như kinh Duy Ma đã nói: “*Dĩ chư tịnh quốc nghiêm sức chi sức thành kỳ Phật độ*” (Dùng những sự trang nghiêm của các Tịnh Độ để tạo thành cõi Phật của chính mình). Nguyện mình cũng có thể tế độ đến tột cùng đời vị lai như A Di Đà Phật.

Chánh kinh:

應時無量尊
微笑現金容
光明從口出
徧照十方國
迴光還繞佛
三匝從頂入
菩薩見此光
即證不退位
時會一切眾
互慶生歡喜

*Ứng thời Vô Lượng tôn,
Vi tiếu hiện kim dung
Quang minh từng khẩu xuất,
Biến chiếu thập phương quốc
Hồi quang hoàn nhiễu Phật
Tam táp từng đảnh nhập
Bồ Tát kiến thử quang
Tức chứng Bất Thoái vị
Thời hội nhất thiết chúng
Hỗ khánh sanh hoan hỷ*

Lập tức, Vô Lượng Tôn

**Kim dung hiện mỉm cười
Quang minh từ miệng tỏa
Chiếu khắp mười phương cõi
Quang trở về nhiều Phật
Ba vòng nhập vào đảnh
Bồ Tát thấy quang ấy
Liên chứng ngôi Bất Thoái
Hết thấy hội chúng ấy
Mừng rỡ sanh hoan hỷ**

Giải:

Đoạn kinh văn này diễn tả cảm ứng đạo giao: Như Lai phóng quang gia trì, đại chúng chứng địa vị Bất Thoái, đều hoan hỷ lớn lao.

Bản Tổng dịch chép: “*Nhĩ thời, bỉ Phật Vô Lượng Thọ, hóa đạo tha phương Bồ Tát tâm, mật dụng thân thông phóng đại quang, kỳ quang từng bỉ diện môn xuất*” (Lúc bấy giờ, đức Phật Vô Lượng Thọ nhằm khai ngộ tâm các Bồ Tát từ phương khác đến nên ngậm dùng thân thông phóng ra đại quang minh. Quang minh ấy từ khuôn mặt tỏa ra). Như vậy, “*Vô Lượng Tôn*” chính là Vô Lượng Thọ Phật.

“*Vi tiếu hiện kim dung*” là trên khuôn mặt rạng rỡ như vàng của Phật hiện tướng mỉm cười. Sách Hội Sớ nói:

“*Ứng thời*” là ngay khi Bồ Tát phát nguyện, *hân tiếu*⁸⁵ (cười vui vẻ) là tướng thọ ký. Như Lai thường trụ tam-muội, an tường bất động nên tâm Phật vắng lặng không vui, không buồn. Nếu lúc Ngài sắp thọ ký liền hiện tướng cười vui vẻ. Lưỡi Ngài mỏng, sạch, màu như màu đồng đỏ. Trên lưỡi có năm đường vạch như nét khắc trên ấn. Khi cười, lưỡi khê động phóng ra ánh sáng năm màu. Kinh Đại Bảo Tích nói: “*Chư Phật thường pháp nhược thọ địa ngục chúng sanh ký thời, nhĩ thời quang minh lưỡng túc hạ một, nãi chí nhược thọ Bồ Đề ký, nhĩ thời quang minh từng đảnh thượng một*” (Pháp thường của chư Phật là nếu thọ ký chúng sanh sẽ bị đọa địa ngục thì quang minh sẽ trở vào hai chân rồi biến mất, cho đến nếu thọ ký Bồ Đề thì quang minh sẽ nhập vào đảnh đầu rồi biến mất).

⁸⁵ Bản Nguyên dịch chép là “hân tiếu” (cười vui vẻ) thay vì “vi tiếu” (mỉm cười) như các bản dịch khác.

Do cõi kia thuần là Đại Thừa nên chẳng thọ ký cho thừa nào khác; bởi đó, kinh mới bảo là “*tùng đánh nhập*” (nhập vào trong đánh). Bản Ngụy dịch nói rõ nguyên nhân phóng quang là “*đương thọ Bồ Đề ký*” (sẽ thọ ký Bồ Đề).

Gia Tường Sớ ghi: “*Chánh hạnh thọ ký nhằm thể hiện đã đúng thời cơ nên Phật cười vui vẻ. Quang minh từ miệng phóng ra lại nhập trở vào đánh đầu, ngụ ý: Phật sắp nói lời thọ ký chúng sanh sẽ đắc Pháp Thân chí cực*”.

Nghĩa là: Nhằm thọ ký cho đại chúng đúng vào lúc căn cơ của họ đã thuần thực nên Phật hiện tướng mỉm cười. Từ trong miệng phóng ra quang minh chiếu khắp mười phương, quang minh nhiễu quanh thân Phật ba vòng rồi nhập vào trong đánh Phật. Điều này thể hiện chúng sanh được thọ ký Pháp Thân chí cực, tức là Phật thọ ký họ sẽ được Cứu Cánh Quả Giác.

Bản Sớ Giải của ngài Vọng Tây giảng việc quang minh chiếu mười phương rồi nhập vào đánh Như Lai như sau: “*Theo kinh Hoa Nghiêm, đây là thọ ký cho Bồ Tát sắp được thành Phật*”.

Tiếp đó, kinh bảo: Đại chúng trong hội do thiện căn thuần thực nên thấy quang minh ấy của Phật “*tức chứng Bất Thoái vị*” (liền chứng ngôi Bất Thoái). Bất Thoái là nói tắt chữ Bất Thoái Chuyển, tức là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Vì vậy, hội chúng khi ấy “*hỗ khánh, sanh hoan hỷ*” (cùng nhau mừng rỡ, sanh hoan hỷ).

Các vị Bồ Tát trong hội thấy điềm lành ấy biết mình sẽ được thọ ký, hiện chứng Bất Thoái nên đều mừng rỡ khoe với nhau, không ai là chẳng hoan hỷ.

Gia Tường Sớ chép: “*Nhân thiên biết tướng mà hoan hỷ*”.

Bản Tổng dịch ghi: “*Thời hội nhất thiết chư chúng sanh, kính tán Phật quang vị tăng hữu, các các câu phát Bồ Đề tâm, nguyện xuất trần lao, đặng bỉ ngạn*” (Lúc bấy giờ, hết thấy các chúng sanh kính trọng, khen ngợi quang minh của Phật là chưa từng có; ai nấy đều phát Bồ Đề tâm, nguyện thoát khỏi trần lao, đạt lên bờ kia).

Chánh kinh:

佛語梵雷震

八音暢妙聲
十方來正士
吾悉知彼願
志求嚴淨土
受記當作佛
覺了一切法
猶如夢幻響
滿足諸妙願
必成如是剎
知土如影像
恒發弘誓心
究竟菩薩道
具諸功德本
修勝菩提行
受記當作佛
通達諸法性
一切空無我
專求淨佛土
必成如是剎

*Phật ngữ phạm lôi chân
Bát âm sướng diệu thanh
Thập phương lai Chánh Sĩ
Ngô tất tri bỉ nguyện
Chí cầu nghiêm tịnh độ,
Thọ ký đương tác Phật
Giác liễu nhất thiết pháp
Do như mộng, huyền, hưởng
Mãn túc chư diệu nguyện
Tất thành như thị sát
Tri độ như ảnh tượng
Hàng phát hoàng thệ tâm
Cứu cánh Bồ Tát đạo
Cụ chư công đức bổn
Tu thắng Bồ Đề hạnh
Thọ ký đương tác Phật
Thông đạt chư pháp tánh
Nhất thiết không, vô ngã
Chuyên cầu tịnh Phật độ
Tất thành như thị sát*

**Phật ngữ phạm lôi chân
Thốt tiếng màu bát âm:
“Chánh Sĩ mười phương lại
Ta đều biết nguyện họ
Chí cầu cõi nghiêm tịnh
Thọ ký sẽ thành Phật
Hiểu rõ hết thấy pháp
Khác nào mộng, huyền, vang
Trọn đủ các diệu nguyện
Ắt thành cõi như thế
Biết cõi như hình bóng
Hàng phát tâm hoàng thệ
Rốt ráo đạo Bồ Tát
Đủ các gốc công đức
Tu thắng Bồ Đề hạnh
Thọ ký sẽ thành Phật**

**Thông đạt các pháp tánh
Hết thủy không, vô ngã
Chuyên cầu cõi Phật tịnh
Ất thành cõi như vậy!”**

Giải:

Di Đà phóng quang rồi thuyết pháp nên kinh nói: “*Phật ngữ phạm lôi chấn*”. Ở đây, chữ “Phật” chỉ đức A Di Đà.

Âm thanh của Phật thanh tịnh nên gọi là “*phạm âm*” (梵音). Tiếng của Ngài cũng giống như tiếng của Đại Phạm thiên vương nên gọi là “*phạm âm*”. Đại Trí Độ Luận nói: “*Giống như năm thứ âm thanh phát ra từ miệng Phạm thiên vương: Một là rền xa như tiếng sấm; hai là trong trẻo vang xa, người nghe vui thích; ba là người nghe tâm kính mến; bốn là đùng đùng, rõ ràng dễ hiểu; năm là nghe không chán*”.

“*Lôi chấn*” (雷震) là hình ảnh dùng để thí dụ. Gia Tường Sớ giảng: “*Sấm sét có khả năng đánh động hữu tình nên dùng sấm sét để ví cho thuyết pháp có khả năng thức tỉnh vô minh*”. Tịnh Ảnh Sớ cũng nói: “*Chấn pháp lôi (rền sấm pháp) là pháp vô ngại trí hóa độ chúng sanh*”. Bản Đường dịch ghi: “*Chấn đại pháp lôi khai ngộ nhất thiết*” (Rền sấm đại pháp khai ngộ hết thủy). Tổng hợp các cách giải thích trên thì âm thanh thuyết pháp của Phật Di Đà như tiếng của Phạm thiên vương, diễn thuyết pháp yếu như sấm sét vang rền khai ngộ đại chúng. Đây là lời đức Bồn Sư tán thán Phật Di Đà.

Tiếp đó, kinh nói: “*Bát âm vương diệu thanh*” (Thốt tiếng màu bát âm) cũng có nghĩa tương tự. “*Bát âm*” là tám điều thành tựu nơi giọng nói của Như Lai.

Kinh Phạm Ma Dụ bảo bát âm là: “*Nhất tối hảo thanh, kỳ thanh ai diệu. Nhị dị liễu thanh, ngôn từ biện liễu. Tam điều hòa thanh, đại tiểu đắc trung (văn giả hòa dung, tự nhiên hội u Trung Đạo chi lý). Tứ nhu nhuyễn thanh, ngôn vô thô thất (văn giả hỷ duyệt, xả căng cương ý, tự nhiên nhập Luật). Ngũ bất ngộ thanh, ngôn vô thô thất (văn giả các đắc chánh kiến, ly cửu thập ngũ chủng ngoại đạo chi tà phi). Lục bất nữ thanh, kỳ thanh hùng lãng (văn giả kính phục, ma ngoại quy thuận). Thất tôn huệ thanh, ngôn hữu oai túc, nhi thể tôn trọng, hữu huệ nhập thanh (văn giả tôn trọng, trí giải khai lãng). Bát thâm viễn thanh, kỳ thanh thâm viễn, do như lôi chấn (văn giả giai chứng thậm thâm chi lý)*”

(Một là âm thanh tối hảo, âm thanh ấy êm dịu. Hai là tiếng nói dễ hiểu, ngôn từ phân biệt rõ ràng. Ba là tiếng điều hòa, dù Đại Thừa hay Tiểu Thừa nghe thấy đều ngộ được Trung Đạo (người nghe hòa hợp, dung hội, tự nhiên hiểu lý Trung Đạo). Bốn là tiếng nhu nhuyễn (người nghe vui thích, bỏ ý ương ngạnh, tự nhiên thấu hiểu, thâm nhập giới luật). Năm là tiếng chẳng làm lộn, lời nói không lỗi lầm (ai nghe cũng được chánh kiến, lìa khỏi chín mươi lăm thứ lỗi tà kiến). Sáu là âm thanh chẳng mang tính chất nữ nhân, tiếng Ngài hùng hồn, sang sảng (người nghe kính phục, ma và ngoại đạo cùng quy phục). Bảy là tiếng tôn huệ: Giọng nói có oai khiến đời tôn trọng, là tiếng nói của bậc có trí huệ (nghe tiếng Ngài liền tôn trọng, trí huệ mở mang, thông suốt). Tám là âm thanh sâu xa, tiếng Phật vang rất xa ví như tiếng sấm rền (ai nghe tiếng Phật cũng đều chứng lý thậm thâm).

Theo ngài Gia Tường, bát âm là: “*Một là vang vọng, hai là thấu triệt, ba là trong trẻo, bốn là mềm mại, năm là êm dịu, sáu là rõ ràng, bảy là điều hòa, tám là thanh nhã*”.

“*Sương*” (暢: thốt ra, diễn nói lưu loát) là nói, diễn nói như kinh Di Đà chép: “*Kỳ âm diễn sương Ngũ Căn, Ngũ Lực*” (Âm thanh ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực). “*Diệu thanh*” chỉ âm thanh diệu pháp. Phật Di Đà dùng tiếng đầy đủ tám điều như thế để thuyết pháp mau nên kinh nói: “*Bát âm sương diệu thanh*” (Thốt ra thông suốt tiếng bát âm mau nhiệm).

Từ câu “*thập phương lai Chánh Sĩ, ngô tất tri bỉ nguyện*” (mười phương Chánh Sĩ lại, ta đều biết nguyện họ) cho đến câu cuối “*tất thành như thị sát*” (tất thành cõi như vậy) đều là lời đức Bồ Tát Thích Ca thuật lại những pháp âm được diễn nói bởi A Di Đà Phật.

“*Thập phương lai Chánh Sĩ, ngô tất tri bỉ nguyện*”: “*Chánh Sĩ*” chính là Bồ Tát như trong phần nói về mười sáu vị Chánh Sĩ trong kinh này đã giảng. “*Ngô*” (吾: Ta) là chữ đức A Di Đà tự xưng, ý nói: Mười phương Bồ Tát đến cõi Ngài, ai nấy đều có đại nguyện thù thắng, Phật đều biết rõ cả. Ý nguyện của họ là “*chí cầu nghiêm tịnh độ, thọ ký đương tác Phật*” (chí cầu trang nghiêm tịnh độ, [được] thọ ký sẽ thành Phật). Các vị Bồ Tát ấy phát đại nguyện như vậy nên được A Di Đà Phật khen ngợi. Chúng sanh khởi tâm động niệm Phật đều biết, đều thấy. Hiện giờ, các vị Chánh Sĩ có chí nguyện được giống như Phật Di Đà, thành tựu Đại Giác, nhiếp lấy cõi Phật, Phật liền biết ngay. Vì thế, Ngài nói ra những pháp tương ứng như sau khiến cho họ mãn nguyện:

1. “Giác liễu nhất thiết pháp, do như mộng, huyền, hưởng, mãn túc chư diệu nguyện, tất thành như thị sát” (Hiểu rõ hết thấy pháp, khác nào mộng, huyền, vang, trọn vẹn các diệu nguyện, ắt thành cõi như thế):

“Giác” (覺) là chứng ngộ, “liễu” (了) là biết rõ.

“Nhất thiết pháp” (Hết thấy pháp) là chữ để chỉ chung hết thấy pháp vạn hữu. Đại Trí Độ Luận nói: “Nói đại lược, hết thấy pháp gồm ba thứ: Một là pháp hữu vi, hai là pháp vô vi, ba là pháp bất khả thuyết. Ba loại này bao gồm hết thấy pháp”.

“Nhu mộng, huyền, hưởng” (Nhu mộng, huyền, tiếng vang) là ví các pháp đều hư vọng chẳng thật như mộng, như huyền hóa, như tiếng vang vọng lại. Đại Trí Độ Luận nói: “Nhu mộng là như trong giấc mộng chẳng có việc gì thật. Ngờ là thật, nhưng tỉnh giấc lại biết là không; nên lại cười một mình”.

Luận viết tiếp: “Hết thấy các hạnh như huyền, lừa dối trẻ nít, thuộc vào nhân duyên chẳng tự tại, chẳng tồn tại lâu dài”.

Và: “Ở nơi hang hẹp trong núi sâu hoặc ở nơi khe núi sâu thẳm, hay ở trong căn nhà lớn trống rỗng nếu nói ra tiếng hoặc tạo tiếng động thì có tiếng đáp lại. Tiếng ấy gọi là “hưởng” (響: tiếng vang). Kẻ vô trí nghĩ là thật có người đáp lại, người trí suy nghĩ tiếng này chẳng phải do ai tạo ra, chỉ do tiếng ban đầu sanh ra nên gọi là tiếng vọng. Tiếng vang tuy là không nhưng có thể khiến cho nhĩ căn bị làm... Bồ Tát biết các pháp như tiếng vang”.

Sách Hội Sớ lại bảo: “Nhu mộng là như trong giấc mộng thấy, tuy có thấy các sự nhưng rốt ráo chẳng thể được. Các pháp cũng lại giống như thế. ‘Nhu huyền’ là hóa hiện như huyền, tuy tựa như thật có hiện ra, nhưng Thể của nó vốn là tịch diệt, các pháp cũng giống như thế. ‘Nhu hưởng’ là như tiếng vang nơi hang trống, tuy do âm thanh mà phát khởi nhưng chẳng có tự tánh. Các pháp cũng lại giống như thế”.

Tiếp đó, lời kệ nêu lên nguyện thù thắng và Phật thọ ký họ ắt đạt được cõi nước.

Ngài Tịnh Ảnh bảo: “Bài kệ này nêu lên trí nguyện của các vị Bồ Tát, thọ ký họ ắt sẽ chứng đắc cõi nước. ‘Giác liễu nhất thiết như huyền hưởng đẳng’ (Hiểu rõ hết thấy pháp như mộng, huyền, tiếng vang v.v...) là nói về trí. ‘Mãn túc chư nguyện’ (Trọn vẹn các nguyện) là nói đến

nguyện. *‘Thành như thị sát’ (Thành tựu cõi như vậy) là thọ ký họ sẽ đạt được cõi nước [nghiêm tịnh]’.*

Ý Ngài nói: Biết rõ hết thấy đều như mộng huyễn là nói về trí huệ. Trọn đủ các nguyện nhiệm màu là nói về đại nguyện. Chẳng những chỉ khởi lên các nguyện nhiệm màu mà còn có thể tu tập, nhiếp thủ, viên mãn trọn vẹn các nguyện, đủ chứng tỏ nguyện ấy chân thành, thiết tha. Do hai điều ấy làm nhân nên được thọ ký rằng: *“Tất thành như thị sát”* (Ắt thành cõi như thế). Cõi nước thành tựu chính là quả của trí và nguyện.

Sách Hội Sớ lại bảo:

“Tuy trải qua kiếp số như vi trần nhưng vẫn như trong một niệm. Tuy ở trong sanh tử nhưng vẫn như dạo trong vườn, đài. Thành tựu điều đó nên diệu nguyện được trọn vẹn, kiến lập cõi màu nhiệm”. Ý nói: Từ trí mãn nguyện, từ nguyện kiến lập cõi nước. Do trí huệ nên coi sanh tử như vườn, đài, xem nhiều kiếp chỉ như một niệm. Hiểu rõ, thành tựu điều đó nên diệu quả tự nhiên viên mãn.

Hai bản sớ tuy hơi khác nhau chút ít, nhưng xem ra cách giải thích của ngài Tịnh Ảnh gần với ý kinh hơn vì: Rõ thấu các pháp là không bèn nguyện nhiếp lấy Tịnh Độ thì mới chẳng rớt vào nhị biên, khéo hợp khéo léo với Trung Đạo. Đây chính là tông chỉ của Tịnh tông như kinh Duy Ma nói: *“Tuy tri chư Phật quốc, cập dữ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa u quần sanh”* (Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh là không mà thường tu Tịnh Độ, giáo hóa quần sanh). Đây đều là Sự Lý vô ngại trong Viên tông, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Hai bài kệ tiếp theo đây cũng cùng nói lên ý chỉ ấy.

2. *“Tri độ như ảnh tượng, hằng phát hồng thệ tâm, cứu cánh Bồ Tát đạo, cụ chư công đức bốn, tu thắng Bồ Đề hạnh, thọ ký đương tác Phật”* (Biết cõi nước như hình bóng, luôn phát tâm hồng thệ, rốt ráo Bồ Tát đạo, đầy đủ các cội đức, tu hạnh Bồ Đề thù thắng, thọ ký sẽ thành Phật).

“Như ảnh tượng” là giống như bóng dáng của các vật, bóng dáng tuy sanh từ thật thể nhưng không có thật tánh. Kinh Kim Cang dạy: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng).

Bài kệ trong đoạn này ý nói:

- Biết rõ các cõi Phật cũng giống như hình bóng; trí huệ như thế thật là rất sâu xa. Bậc Chánh Sĩ hiểu sâu xa cõi Phật cũng vốn là không, nhưng “*hằng phát hồng thệ tâm*” (luôn phát tâm hồng thệ). “*Hoằng thệ*” (弘誓) là thệ nguyện sâu rộng.

- Lại từ nguyện khởi hạnh nên bảo “*cứu cánh Bồ Tát đạo*” (rót ráo Bồ Tát đạo). “*Cứu cánh*” (究竟) là chí cực, là quyết định đạt đến chỗ chung cực, tốt cùng nhất. “*Bồ Tát đạo*” là đại hạnh của bậc Bồ Tát để viên mãn hạnh lợi mình, lợi người, thành tựu Phật quả (tức là Lục Độ), còn gọi là Bồ Tát hạnh.

- Các vị Chánh Sĩ như thế Trí lẫn Nguyện đều đầy đủ, Hạnh lẫn Giải đều ưu việt nên đều đầy đủ “*chư công đức bản*” (các cõi công đức). Chữ “*chư công đức bản*” chỉ cõi nguồn của các công đức. Sách Thắng Man Kinh Bảo Quật nói: “*Đức nghĩa là đắc, tức là đức là cái đạt được do công năng tu hành. Vì vậy, gọi là công đức*”.

“*Bổn*” (本) là nguồn cõi. Cõi nguồn ấy chính là Phật tánh chúng sanh vốn sẵn có, kinh Viên Giác gọi là: “*Bổn nguyên thanh tịnh đại viên kính*” nghĩa là cõi nguồn thanh tịnh như tấm gương sáng lớn.

Trong lời tựa sách Viên Giác Lược Sớ, ông Bùi Hưu đã viết: “*Là cõi nguồn của chúng sanh nên gọi là Tâm Địa*”. “*Bổn*” lại có nghĩa là cái gốc căn bản nhất, Lý Thể của pháp tánh chính là căn bản tốt cùng của các pháp nên gọi là cái gốc căn bản nhất. Sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: “*Bổn cực Pháp Thân vi diệu thậm thâm*”. Như vậy, “*bổn*” ở đây chính là “*bản tâm*” của chúng sanh, là Thật Tế lý thể, cũng tức là Chân Như Thật Tướng.

“*Cụ chư công đức bổn*” (Đủ các cõi công đức) là cùng tận cõi nguồn, an trụ trong Pháp Thân, nhập vào Thật Tướng của các pháp.

“*Bồ Đề*” là như An Lạc Tập giảng: “*Bồ Đề chính là tên gọi khác của Vô Thượng Phật Đạo*”.

“*Tu thắng Bồ Đề hạnh*” là tu tập hạnh Vô Thượng Phật Đạo thù thắng. Câu này tiếp nối ý câu trên, tức là nói về Căn Bản Trí và Sai Biệt Trí. Từ đại trí của Văn Thù khởi ra đại hạnh của Phổ Hiền, mà tánh đức của Phổ Hiền Đại Sĩ là dẫn dắt quy hướng Cực Lạc.

“*Thọ ký*” (受記) là lời Phật tiên đoán tương lai ắt sẽ được thành Phật. Do có đủ trí huệ, thệ nguyện và các diệu hạnh như trên đã

nói nên ắt được Phật thọ ký sẽ viên mãn Phật quả. Vì thế, kinh nói: “*Thọ ký đương tác Phật*” (Thọ ký sẽ thành Phật).

Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Ý kệ nói: Với trí hạnh đó, họ ắt sẽ thành Phật*”.

Trong bài kệ này của Phật Di Đà, hai câu đầu tiên nói đến trí và nguyện, ba câu kế tiếp là tu hạnh thù thắng, câu cuối cùng là thọ ký thành Phật. Đây chính là cảm được diệu quả.

3. “*Thông đạt chư pháp tánh, nhất thiết không, vô ngã*” (Thông đạt các pháp tánh, hết thấy không, vô ngã).

Sách Hội Sớ giảng bài kệ này như sau: “*Hết thấy hữu tình, phi tình, phàm, thánh, tịnh, uế được gọi là ‘chư pháp’. Tánh có nghĩa là chẳng đổi, là Lý Thể của các pháp (Lý thể sẵn có của các pháp, vĩnh viễn chẳng biến cải, đó chính là Lý Thể Thật Tế). Nhân duyên hợp thành, giả gọi là các pháp (nhân duyên hòa hợp nên hiện ra các pháp, thật ra đều là hư vọng, chỉ là giả danh mà thôi). Tự tánh tịch diệt, Thể bất khả đắc nên bảo là không, vô ngã*”.

Ngã gồm có hai thứ:

* Một là Nhân Ngã: Phàm phu chẳng hiểu rằng Ngũ Âm hòa hợp giả hiện có Ngã nên lầm nhận thật có con người tự chủ tự tại, thường làm chủ tể cái thân mình. Đó là Nhân Ngã. Nếu hiểu rõ đây chỉ là năm Uẩn hòa hợp, thật sự chẳng có tự thể thì đó là Nhân Vô Ngã. Đây chính là cách tu hành của Tiểu Thừa: Đoạn phiền não để đắc Niết Bàn.

* Hai là Pháp Ngã: Cố chấp các pháp thật sự có tự thể, thật sự có công dụng thì gọi là Pháp Ngã. Nếu hiểu rõ các pháp chỉ từ nhân duyên sanh, thật ra chẳng có tự thể thì gọi là “*Pháp Vô Ngã*”.

Tiểu Thừa chỉ ngộ nhập Nhân Vô Ngã, Bồ Tát ngộ được cả nhân lẫn Pháp Vô Ngã.

“*Không*” đồng nghĩa với “*vô ngã*”. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển một nói: “*Không và Vô Ngã chỉ là tên gọi khác nhau như mắt còn gọi là nhãn*”. Ý nói: Mắt và nhãn tuy là hai danh từ, nhưng thật ra chỉ nói lên cùng một nghĩa; “*không*” và “*vô ngã*” cũng giống như thế.

Tiếp đó, kệ nói: “*Chuyên cầu tịnh Phật độ, tất thành như thị sát*” (Chuyên cầu tịnh cõi Phật, ắt thành cõi như thế).

Sách Hội Sớ bảo: “*Chuyên cầu là thế nguyện như bốn mươi tám nguyện vậy. Chữ ‘như thị sát’ (cõi như thế) chỉ cõi Cực Lạc*”. Ý kẻ khuyên nên mong cầu [cõi giống như cõi Cực Lạc]. Ngài Tịnh Ảnh cho rằng bài kệ này có ý nói:

“*Với trí huệ như thế ắt sẽ được thọ ký đạt được cõi nước. Thông đạt tánh pháp tánh hết thấy là không, vô thường là nói về trí. Trong phần trước, nói ‘hiểu hết thấy như huyễn, mộng, tiếng vang’ là nói đến Thế Đế Trí; còn ở đây thông hiểu các pháp tánh: Hết thấy là không, vô ngã thì chính là Chân Đế Trí. ‘Chuyên cầu Tịnh Độ’ là nguyện. ‘Ắt thành cõi như thế’ là thọ ký sẽ được cõi nước*”. Nghĩa là bởi họ chí nguyện như vậy nên Phật thọ ký họ sẽ đắc cõi nước nghiêm tịnh.

Ngài Vọng Tây lại giải thích như sau: “*Nhị Trí (Chân Đế Trí và Tục Đế Trí) tuy khác nhau, nhưng tánh của chúng đều là không. Tuy biết tánh là không, nhưng nguyện đắc Tịnh Độ*”.

Ngài còn nói: “*Phật pháp chẳng vướng vào có, chẳng vướng vào không, cũng chẳng vướng vào vừa có vừa không, cũng chẳng chấp vào chẳng phải có chẳng phải không, cũng chẳng chấp trước vào chẳng chấp trước*”. Nói gọn là: Chẳng trụ vào nhị biên, xa lìa tứ cú, khế hợp nhiệm màu với Trung Đạo, bình đẳng nhất tướng.

Kinh Kim Cang dạy: “*Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Không ngã, không nhân, không chúng sanh, không có thọ giả, tu hết thấy thiện pháp liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Vì vậy, mười phương Chánh Sĩ hiểu sâu xa pháp là không, chuyên cầu Tịnh Độ thì chính là lìa khỏi bốn tướng (nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả) tu hết thấy pháp lành nên “*tất thành như thị sát*” (ắt thành cõi như thế).

Sách Hội Sớ lại nói: “*Sở dĩ Bồ Tát tuy hiểu thấu suốt ba thứ Không, trí chẳng chấp trước, nhưng Đại Bi hun đúc tâm Ngài nên phát nguyện nghiêm tịnh cõi Phật. Tuy nghiêm tịnh cõi Phật nhưng thường tịch tĩnh. Đây chính là một pháp cú (chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân) mà lại đủ hai mươi chín thứ (Vãng Sanh Luận nói đến hai mươi chín thứ trang nghiêm của cõi Cực Lạc). Hai mươi chín thứ lại thể hiện ý nghĩa của một thanh tịnh cú*”.

Lời sớ giải này thật tinh diệu, vì hết thấy các pháp không pháp nào chẳng do một pháp giới biến hiện ra, cũng không một pháp lại chẳng quy về một pháp giới này. Một pháp giới chính là một pháp cú.

Đức Thích Tôn trần thuật xong lời hiểu dụ từ bi đối với mười phương Chánh Sĩ của Phật Di Đà xong, Ngài liền tiếp tục khai thị cho mọi người trong pháp hội cõi này (Trước câu “*văn pháp nhạo thọ hành*” trong kinh văn, bản Ngụy dịch còn ghi: “*Chư Phật cáo Bồ Tát, linh cận An Dưỡng Phật*” (Chư Phật bảo các Bồ Tát hãy thân cận đức Phật nơi cõi An Dưỡng - Hội bản lược bỏ câu này).

Những người “*văn pháp nhạo thọ hành*” (nghe pháp vui mừng nhận lấy, thực hành) chính là mười phương Chánh Sĩ. Thập phương chư Phật khuyên răn các vị Chánh Sĩ trong nước mình nên kính lễ A Di Đà Phật. Các vị Chánh Sĩ ấy tuân lời Phật dạy đi đến thế giới Cực Lạc, được thấy Vô Lượng Thọ Phật, nghe giảng lãnh nhận diệu pháp. Nghe xong nếu tin ưa nhận lãnh, thực hành, một lòng mong cầu cõi tịnh thì đều được thọ ký: Sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hội Sớ viết: “*Nghe pháp mừng, nhận, hành là nghe A Di Đà Phật thuyết pháp liền vui mừng, thọ trì, phụng hành*”.

Chánh kinh:

聞法樂受行
得至清淨處
必於無量尊
受記成等覺

Văn pháp nhạo thọ hành
Đắc chí thanh tịnh xứ
Tất w Vô Lượng tôn
Thọ ký thành Đẳng Giác

**Nghe pháp mừng, nhận, hành,
Đạt đến chỗ thanh tịnh,
Đều được Vô Lượng Tôn
Thọ ký thành Đẳng Giác.**

Giải:

Tịnh Ảnh Sớ viết: “*Tự trong tương lai sẽ được cõi tịnh màu nhiệm nên bảo là “đắc chí thanh tịnh xứ” (đạt tới chỗ thanh tịnh)*”.

Sách Hội Sớ cũng nói: “*Thanh tịnh xứ chính là Tịnh Độ, ý nghĩa tương tự như câu ‘tất thành như thị sát’ trong phần trên*”.

Cả hai lời sớ giải đều nêu cùng một ý chỉ: Kiến lập cõi tịnh chính là “*đắc chí thanh tịnh xứ*” (đạt đến chỗ thanh tịnh).

Nhưng nếu luận theo pháp môn Tâm Địa, ta còn có thể hiểu “*thanh tịnh xứ*” ở một mức độ cao hơn: Đó chính là diệu tâm vốn tịnh! Nếu như nghe pháp rồi tin nhận, tương ứng nhất niệm, thấu triệt tột cùng nguồn tâm, Đại Giác vốn sẵn thanh tịnh rạng ngời, khế hợp ngay với Pháp Thân thì đó cũng chính là “*đạt đến chỗ thanh tịnh*”. Thậm chí “*dĩ thanh tịnh tâm, hướng Vô Lượng Thọ*” (dùng tâm thanh tịnh hướng đến Vô Lượng Thọ). Nhất niệm tịnh tín, nhất niệm tịnh tâm thì trong khoảng sát-na sẽ khế hợp “*thanh tịnh xứ*”.

Ở mức độ thấp hơn thì chí thành niệm Phật, không một mảy bấn khoăn, ngờ vực, tịnh niệm tiếp nối không hề gián đoạn, thâm hợp diệu đạo, niệm mà ly niệm thì cũng đáng gọi là “*ngâm đạt đến chỗ thanh tịnh*”. Những người như vậy cũng đều sẽ được Vô Lượng Thọ Phật thọ ký, tương lai ắt sẽ thành Phật. Ngài sẽ gia bị một cách hiển nhiên hoặc thâm gia hộ; đó là do trí huệ, nguyện hạnh, thiện căn, phước đức mỗi người đều sai khác.

Chánh kinh:

無邊殊勝刹
其佛本願力
聞名欲往生
自致不退轉
菩薩興至願
願己國無異
普念度一切
各發菩提心
捨彼輪迴身

俱令登彼岸

Vô biên thù thắng sát
Kỳ Phật bốn nguyện lực
Văn danh dục vãng sanh
Tự trí Bất Thoái Chuyển
Bồ Tát hưng chí nguyện
Nguyện kỹ quốc vô dị
Phổ niệm độ nhất thiết
Các phát Bồ Đề tâm
Xả bỏ luân hồi thân
Câu linh đấng bửu ngạn

Cõi vô biên thù thắng
Do Phật bốn nguyện lực
Nghe danh muốn vãng sanh
Tự đạt Bất Thoái Chuyển
Bồ Tát khởi chí nguyện
Nguyện nước mình chẳng khác
Phổ niệm độ hết thảy
Đều phát Bồ Đề tâm
Bỏ thân luân hồi ấy
Đều được lên bờ kia

Giải:

Cõi nước Cực Lạc thù thắng vượt trời, vi diệu, chẳng có ranh giới, chẳng có lượng số, chẳng thể diễn tả nổi nên bảo là “*vô biên thù thắng sát*” (cõi vô biên thù thắng).

Cõi nước báu ấy vượt trời mười phương chính là nhờ vào bốn nguyện lực thù thắng của Phật Di Đà nên nói: “*Do Phật bốn nguyện lực*”.

Do lời nguyện thứ mười bảy “*chư Phật khen ngợi*” nên mười phương chúng sanh được nghe danh hiệu Ngài, lại do các nguyện nghe danh phát tâm, nghe danh được phước, nghe danh đắc Nhân v.v... hỗ trợ nên họ đều tín nguyện trì danh, được sanh cõi Cực Lạc, chứng ngôi vị Bất Thoái. Vì thế kinh nói: “*Văn danh dục vãng sanh, tự trí Bất Thoái Chuyển*” (Nghe danh muốn vãng sanh, tự đạt Bất Thoái Chuyển). Đây chính là lời nguyện mười tám: “*Văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo,*

nguyện sanh ngã quốc, thập niệm tất sanh” (Nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, nguyện sanh cõi ta mười niệm ắt được vãng sanh)”.

Câu “*Bồ Tát hưng chí nguyện*” (Bồ Tát khởi chí nguyện) ý nói các Bồ Tát đã được vãng sanh, đều cảm mộ ân sâu của Phật, đều học theo đức Di Đà, nên đều phát đại nguyện; cho nên kinh mới nói là: “*Hưng chí nguyện*” (Dấy lên chí nguyện). Sách Hội Sớ nói: “*Chí nguyện là những nguyện nhiếp lấy cõi nước, nhiếp thọ chúng sanh, nhiếp Pháp Thân của đức Di Đà. Những nguyện ấy vốn khó nghĩ tưởng đến mức cùng cực, Bồ Tát nguyện cũng sẽ đạt được những nguyện như vậy*”.

Vì thế, họ nguyện cũng nhiếp lấy cõi Phật giống như cõi Cực Lạc để độ vô biên chúng sanh đều phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm A Di Đà Phật, cùng sanh Tịnh Độ, chóng chứng Bất Thoái, chứng Pháp Thân của Phật. Đó là hạnh lợi tha của Bồ Tát, cho nên mới nguyện “*nguyện kỹ quốc vô dị*” (nguyện cõi mình chẳng khác). Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Nguyện mình sẽ đạt cõi nước giống như cõi của A Di Đà Phật, nên nói ‘quốc vô dị’*”. “*Phổ niệm*” là bình đẳng đại bi, nguyện độ khắp hết thấy chúng sanh: Ai nấy đều phát khởi tâm Vô Thượng Bồ Đề, nguyện chán bỏ thân luân hồi nghiệp chướng, cùng vượt lên bờ kia Cực Lạc.

Chánh kinh:

奉事萬億佛

飛化徧諸刹

恭敬歡喜去

還到安養國。

Phụng sự vạn ức Phật

Phi hóa徧 chư sát

Cung kính hoan hỷ khứ

Hoàn đáo An Dưỡng quốc

Phụng sự vạn ức Phật

Phi, hóa khắp các cõi

Cung kính hoan hỷ đi

Trở về nước An Dương

Giải:

Lần lượt độ thoát như thế nên có vô lượng vô biên Bồ Tát được vãng sanh, an trụ trong cõi Cực Lạc. Họ lại có thể đến khắp mười phương cúng dường Như Lai, nghe pháp.

“Phi hóa” (飛化) là bay đi, du hành bằng cách biến hóa. “Hóa” có nghĩa là sự biến hóa thần diệu khó nghĩ tưởng nổi. “An Dương quốc” chính là cõi Cực Lạc.

Bài kệ này ngụ ý: Trong cõi Cực Lạc, mười phương Chánh Sĩ đã vãng sanh và các vị Bồ Tát được các Ngài lần lượt độ thoát đều thờ kính, hầu hạ khắp các chư Phật, cung kính, lễ bái, thân cận, hoan hỷ, nghe pháp, rồi lại cung kính hoan hỷ trở về cõi Cực Lạc.